

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 185/2018/DS-ST

Ngày : 02 - 8 - 2018

V/v: Tranh chấp

“ Hợp đồng góp hội ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Y

2/ Bà Phan Thị Quý

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Phương, cán bộ
Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2018/TLST-DS ngày 15- 6-2018, về tranh chấp “Hợp đồng góp hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXST - DS ngày 19 - 7 - 2018, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn: Nguyễn Thị D-*** sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp M, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

* ***Bị đơn: Nguyễn Thị H*** - sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp M, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI D V U ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị có tham gia 04 dây hội do chị Nguyễn Thị H làm chủ, cụ thể:

- Dây thứ nhất: Dây hội 500.000đ/tháng, gồm 31 phần, mỗi tháng khai 1 lần vào ngày 15 âm lịch hàng tháng, bắt đầu khai vào ngày 15/7/2012 (âm lịch), chị tham gia 01 phần và đã đóng hội 29 kỳ với số tiền 9.280.000đ đến tháng 12 năm 2014 thì ngưng hội do chị H tự ngưng hội, tiền lãi cuối kỳ 5.220.000đ

- Dây thứ hai: Dây hội 500.000đ/tháng, gồm 33 phần, mỗi tháng khai 1 lần vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, bắt đầu khai vào ngày 25/5/2012 (âm lịch), chị tham gia 01 phần và đóng 32 kỳ tổng số tiền 10.240.000đ, đến tháng 12 năm 2014 thì ngưng hội, tiền lãi cuối kỳ 5.760.000đ.

- Dây thứ ba: Dây hội 500.000đ/tháng, gồm 26 phần, mỗi tháng khai 1 lần vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, bắt đầu khai vào ngày 20/01/2013 (âm lịch), chị

tham gia 01 phần và đóng 24 kỳ tổng số tiền 7.680.000đ, thì ngưng hụi, tiền lãi cuối kỳ 4.320.000đ

- Dây thứ tư: Dây hụi 500.000đ, gồm 29 phần, mỗi tháng khai 2 lần vào ngày 5 và 20 âm lịch hàng tháng, bắt đầu khai vào ngày 05/9/2014 (âm lịch), chị tham gia 02 phần và đóng 7 kỳ của 02 phần hụi là tổng số tiền 4.480.000đ, đến tháng 12 năm 2014 thì ngưng hụi, tiền lãi cuối kỳ 2.520.000đ.

Tổng số tiền chị đã đóng cho chị H là 31.680.000đ, ngày 30/3/2018 chị H có làm giấy xác nhận chị có đóng hụi cho chị H tổng số tiền 31.680.000đ; sau khi hụi bị ngưng đến nay chị H chưa trả tiền cho chị.

Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu chị H trả số tiền vốn là 31.680.000đ và tiền lãi là 17.820.000đ

Tại phiên tòa chị yêu cầu chị H trả số tiền vốn 31.680.000đ, yêu cầu trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị rút lại yêu cầu buộc chị H trả số tiền lãi 17.820.000đ

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị là chủ hụi, chị Nguyễn Thị D có tham gia 04 dây hụi do chị làm chủ hụi, đến tháng 12 năm 2014 thì ngưng hụi, ngày 30/3/2018 chị có làm giấy xác nhận chị D có đóng hụi cho chị tổng số tiền 31.680.000đ như chị D trình bày là đúng, chị Nguyễn Thị D đã đóng hụi cho chị tổng cộng là 31.680.000đ, nhưng do chị D ngưng chơi hụi giữa chừng, nên chị chỉ đồng ý trả cho chị D số tiền vốn mà chị D đã đóng cho chị là 31.680.000đ, xin mỗi tháng trả 500.000đ cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xét thấy:

Chị Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Thị H trình bày thống nhất và đủ căn cứ kết luận: Vào năm 2012, 2013 và 2014 chị D có tham gia chơi 04 dây hụi do chị Nguyễn Thị H làm chủ hụi, chị Nguyễn Thị D đã đóng hụi cho chị Nguyễn Thị H tổng cộng 31.680.000đ, đến tháng 12 năm 2014 thì ngưng chơi hụi, ngày 30/3/2018 chị H có làm giấy xác nhận chị D có đóng hụi cho chị H tổng số tiền 31.680.000đ, sau khi ngưng hụi đến nay chị Nguyễn Thị H chưa hoàn trả lại số tiền 31.680.000đ cho chị D. Nay chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả số tiền vốn 31.680.000đ, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Xét thấy ý kiến của chị Nguyễn Thị H đồng ý trả số tiền 31.680.000đ cho chị Nguyễn Thị D nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đ, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D không đồng ý nên không chấp nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị H

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ các Điều 471, 688, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị H trả số tiền lãi 17.820.000đ, nếu có tranh chấp có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Buộc chị Nguyễn Thị H trả 31.680.000đ (Ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) cho chị Nguyễn Thị D. Thực hiện trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị H chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 1.584.000đ
- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị D 1.237.500đ tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0008434 ngày 15/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Song Bình